

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2024

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

2. Bà Phạm Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng L, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp AN, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Mộng L trình bày:

Năm 2003 chị với anh Đ chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2009 chị với anh Đ mới đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2009.

Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do chị với anh Đ tự nguyện. Thời gian đầu chị và anh Đ chung sống hạnh phúc. Chị và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị TY, sinh ngày 26/10/2004 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/02/2011. Hiện TY đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Trọng thì chung sống với chị.

Năm 2018 chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chăm lo làm ăn, cờ bạc nên vợ chồng thường cự cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên chị và anh Đ không còn sống chung từ năm 2018.

Chị và anh Đ nhiều lần tìm cách hàn gắn với nhau nhưng không thành. Cha mẹ hai bên đều biết chị và anh Đ không còn sống chung nên nhiều lần hàn gắn cho chị và anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi.

- Về hôn nhân: Hiện anh Đ đang chung sống như vợ chồng với người khác nên chị và anh Đ không thể hàn gắn được với nhau. Chị yêu cầu ly hôn với anh Đ. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: Từ khi chị với anh Đ không còn sống chung đến nay, các con chung do chị trực tiếp nuôi, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng thỉnh thoảng anh Đ có đến thăm con và cho tiền các con chung. Hiện nay chị có công việc ổn định (giúp việc nhà), thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng nên chị đủ điều kiện nuôi con chung. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Văn Trọng, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do con chung Tú Yên đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị với anh Đ không tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị với anh Đ không có nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Anh Nguyễn Văn Đ cư trú tại ấp An Ninh, xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Chị Trần Thị Mộng L có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh Đ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[4] Về hôn nhân: Năm 2003 chị L với anh Đ chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2009 chị L với anh Đ mới đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2009. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị L và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ là do anh Đ không chăm lo làm ăn, cờ bạc nên vợ chồng thường cự cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên chị và anh Đ không còn sống chung từ năm 2018. Cha mẹ hai bên đều biết có hàn gắn nhiều lần cho chị và anh Đ nhưng chị L và anh Đ không có thiện chí hàn gắn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị L và anh Đ hòa giải với nhau nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn

cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị L và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung Nguyễn Thị Tú Yên, sinh ngày 26/10/2004 và Nguyễn Văn Trọng, sinh ngày 04/02/2011. Thấy rằng, từ khi chị L và anh Đ không còn sống chung, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Tại biên bản lấy ý kiến, cháu Trọng trình bày có nguyện vọng sống cùng với chị L. Lẽ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Nguyễn Văn Trọng, sinh ngày 04/02/2011 cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp. Do chị L không yêu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Tú Yên, sinh ngày 26/10/2004 đã trưởng thành, có gia đình riêng, do chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Do chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Mộng L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Mộng L. Chị Trần Thị Mộng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Do chị L và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Mộng L được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Văn Trọng, sinh ngày 04/02/2011. Do chị L không yêu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Thị Tú Yên, sinh ngày 26/10/2004 đã trưởng thành, có gia đình riêng, do chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Do chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mộng L phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000219 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thuận, huyện Thanh Phú;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân